

BIỆN PHÁP BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC THÔNG QUA DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG VIỆT - VĂN HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

• TS. Nguyễn Văn Bản^(*)

Tóm tắt

Bài viết xác định những kỹ năng mềm cần thiết và phân tích thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp. Trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học thông qua dạy học các môn học Tiếng Việt - Văn học và Phương pháp dạy học

Từ khoá: Kỹ năng mềm, sinh viên, giáo dục tiểu học, Tiếng Việt - Văn học và Phương pháp dạy học.

1. Đặt vấn đề

Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), triết lý giáo dục thế giới thế kỷ XXI gắn với 4 trụ cột: “Học để biết (Learning to know); Học để làm (Learning to do); Học để chung sống (Learning to live together); Học để khẳng định mình (Learning to be)” [1]. Bốn trụ cột này gắn với nhiều kỹ năng (được gọi là kỹ năng mềm (KNM) hay kỹ năng sống) mà mỗi cá nhân cần đạt được để có thể ứng phó với mọi hoàn cảnh học tập, lao động, sinh hoạt trong cuộc sống, bao gồm: kỹ năng tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, ra quyết định, giải quyết vấn đề, kiểm soát cảm xúc, tự nhận thức, tự tin, giao tiếp, thương lượng, tự khẳng định, hợp tác, đặt mục tiêu, đảm nhận trách nhiệm...

Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học của Trường Đại học Đồng Tháp nhằm mục tiêu “đào tạo những sinh viên (SV) tốt nghiệp đại học có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức, kỹ năng và năng lực theo chuẩn đầu ra nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo” [6]. Để đáp ứng nhu cầu của xã hội, SV tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) phải đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Đặc biệt, SV phải có và sử dụng thành thạo các KNM. Nhằm bồi dưỡng KNM cho SV, Trường Đại học Đồng Tháp đã xây dựng môn học KNM (02 tín chỉ là môn học tự chọn) để SV các ngành, trong đó có ngành GDTH chọn học tập. Tuy nhiên, ngoài việc lựa chọn học môn học này, SV còn có thể được bồi dưỡng KNM thông qua việc dạy học các môn học chuyên ngành. Vì thế, nghiên cứu về thực trạng

KNM của SV ngành GDTH và đề xuất biện pháp góp phần bồi dưỡng KNM cho SV ngành GDTH thông qua dạy học bộ môn Tiếng Việt - Văn học và Phương pháp dạy học (TV-VH&PPDH) là hết sức cần thiết.

2. Đánh giá về KNM của SV ngành GDTH, Trường Đại học Đồng Tháp

2.1. Những KNM cần thiết đối với SV ngành GDTH

Kỹ năng là sự thực hiện thành thạo những hành động về một công việc nào đó, bằng cách vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đã có phù hợp với điều kiện nhất định của thực tiễn, nhằm thực hiện có hiệu quả các hoạt động theo mục tiêu đã xác định.

Nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, chuẩn đầu ra của SV tốt nghiệp ngành GDTH, Trường Đại học Đồng Tháp đòi hỏi SV phải đạt được những kỹ năng rất cơ bản và cần thiết sau.

Kỹ năng tự nhận thức là khả năng của con người hiểu về chính mình (như hiểu về cơ thể, tư tưởng, các mối quan hệ xã hội của bản thân; biết nhìn nhận, đánh giá đúng về tiềm năng, tình cảm, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu... của bản thân mình). Để tự nhận thức đúng về bản thân, mỗi người cần phải được trải nghiệm qua thực tế, đặc biệt là qua giao tiếp với người khác. Tự nhận thức cũng liên quan đến kỹ năng xác định giá trị, tức là thái độ, niềm tin của bản thân. Nhận thức rõ về bản thân giúp cá nhân thể hiện sự tự tin và tính kiên định để có thể giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.

Kỹ năng giao tiếp là khả năng có thể bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách phù hợp với mục đích, hoàn cảnh và môi trường văn hóa hoặc nhờ sự giúp đỡ, sự tư vấn của người khác khi cần thiết. Kỹ năng giao

^(*) Trường Đại học Đồng Tháp.

tiếp giúp con người nhận ra các tình huống giao tiếp và điều chỉnh cách giao tiếp sao cho phù hợp với đối tượng giao tiếp nhằm cởi mở, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc.

Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn cũng là kỹ năng góp phần tạo nên sự thành công trong học tập và đời sống mỗi người. Mâu thuẫn là những xung đột, tranh cãi, bất đồng nảy sinh giữa hai hoặc nhiều người về một vấn đề nào đó. Khi có mâu thuẫn xảy ra, mỗi người đều có cách giải quyết mâu thuẫn riêng của mình tùy thuộc vào vốn hiểu biết, quan niệm văn hóa, cách ứng xử cũng như năng lực phân tích, tìm hiểu nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn.

Kỹ năng hợp tác (làm việc nhóm) là khả năng mỗi thành viên biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và cùng làm việc có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm.

Kỹ năng tư duy phê phán là khả năng phân tích một cách khách quan và toàn diện các vấn đề, sự vật, hiện tượng xảy ra trong học tập và đời sống. Kỹ năng tư duy phê phán phụ thuộc vào hệ thống giá trị cá nhân. Một người có được kỹ năng tư duy phê phán tốt khi biết phối hợp nhịp nhàng với kỹ năng tự nhận thức và các kỹ năng khác như giải quyết mâu thuẫn, giải quyết vấn đề...

Kỹ năng tư duy sáng tạo là kỹ năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề theo một cách mới, với ý tưởng mới, phương thức mới. Kỹ năng tư duy sáng tạo giúp con người tư duy năng động với nhiều sáng kiến và óc tưởng tượng, biết cách phán đoán và thích nghi, có tầm nhìn và khả năng suy nghĩ rộng hơn người khác.

Kỹ năng ra quyết định rất cần thiết, nó giúp cho mỗi người có được sự lựa chọn phù hợp và kịp thời, đem lại thành công trong cuộc sống. Để ra được quyết định một cách phù hợp, cần phối hợp với những kỹ năng sống khác như: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng tư duy sáng tạo...

Kỹ năng giải quyết vấn đề là khả năng quyết định lựa chọn phương án tối ưu, kịp thời và hành động theo phương án đã chọn để giải quyết vấn đề hoặc khó khăn trong học tập và sinh hoạt hàng ngày một cách hiệu quả. Kỹ năng giải quyết vấn đề có vai trò rất quan trọng, giúp con người hành động đúng đắn, kịp thời mang lại thành công cho

cá nhân và ảnh hưởng tích cực đến những người có liên quan.

Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin có vai trò rất quan trọng với mỗi cá nhân trong học tập và sinh hoạt hàng ngày. Sự bùng nổ thông tin và sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ cũng như công nghệ thông tin và truyền thông đòi hỏi mỗi người phải có kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin tốt. Để tìm kiếm và xử lý thông tin có hiệu quả người ta cần xác định rõ mục đích, chủ đề thông tin cần tìm kiếm; xác định nguồn, địa chỉ tin cậy có thể cung cấp thông tin; chuẩn bị các phương tiện để thu thập thông tin và tiến hành thu thập thông tin; sắp xếp thông tin theo hệ thống hợp lý và phân tích, so sánh, đối chiếu, lí giải, đánh giá giá trị của thông tin thu thập được để phục vụ cho mục đích đã định.

2.2. Thực trạng KNM của SV ngành GDTH, Trường Đại học Đồng Tháp

Từ kết quả khảo sát, quan sát và phân tích về thực trạng KNM của SV ngành GDTH, Trường Đại học Đồng Tháp, chúng tôi có một vài nhận định bước đầu.

Điểm mạnh về KNM của SV là sự hiểu biết cơ bản và nhận thức đúng về KNM, dù họ đã được học hay chưa được học môn học KNM trong chương trình đào tạo. Đồng thời, SV cũng có nhận thức đúng về việc có thể hình thành các KNM trong quá trình học các môn học. Mặt khác, các SV đều tự đánh giá được mức độ sử dụng các KNM trong học tập và sinh hoạt của chính mình. Đây là yếu tố quan trọng làm cơ sở cho mỗi SV tự nỗ lực bản thân nhằm hoàn thiện các KNM và biết vận dụng nó hợp lý trong học tập cũng như sinh hoạt hàng ngày để biến nó thành kỹ năng sống hữu ích.

Tuy nhiên, một số SV ngành GDTH vẫn còn nhận thức chưa đúng và đầy đủ về KNM cũng như yếu về vận dụng KNM trong học tập và sinh hoạt hàng ngày. Khi được hỏi về mức độ quan trọng của các KNM, một tỷ lệ không nhỏ SV cho rằng có những KNM là không quan trọng đối với họ (kỹ năng ra quyết định (29,67%); kỹ năng tư duy sáng tạo (15,63%); kỹ năng giải quyết vấn đề (25,78%); kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin (31,25%)). Một số SV còn cho rằng có những KNM họ không biết sử dụng trong học tập và sinh hoạt hàng ngày (kỹ năng tư duy phê phán (20,31%); kỹ năng tư duy sáng tạo (19,53%); kỹ năng ra quyết định (38,28%);

kỹ năng giải quyết vấn đề (25%); kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin (29,69%). Thậm chí, không ít SV tự nhận xét việc sử dụng KNM của mình không tốt trong học tập và sinh hoạt hàng ngày (kỹ năng tự nhận thức (9,37%); kỹ năng giao tiếp (21,87%); kỹ năng giải quyết mâu thuẫn (15,63%); kỹ năng hợp tác (21,09%); kỹ năng tư duy phê phán (35,91%); kỹ năng tư duy sáng tạo (32,03%); kỹ năng ra quyết định (36,72%); kỹ năng giải quyết vấn đề (22,66%); kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin (24,22%)).

Nguyên nhân của những yếu kém trên có thể từ góc độ khách quan cũng như góc độ chủ quan của SV. Theo nghiên cứu, KNM là một phạm trù mới được quan tâm trong giáo dục Việt Nam chưa tới mười năm trở lại đây. Đặc biệt, việc nhận thức vai trò quan trọng của KNM và xây dựng thành môn học để SV tự lựa chọn học ở Trường Đại học Đồng Tháp chỉ mới thực hiện được vài khóa học gần đây nên chưa đủ sức làm cho mọi giảng viên (GV) và SV trong nhà trường quan tâm một cách đầy đủ. Hơn nữa, vẫn còn một số GV chưa chú ý bồi dưỡng cho SV các KNM gắn với nội dung bài giảng ở môn học mình phụ trách. Về chủ quan, nhiều SV chưa có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của KNM do ảnh hưởng của lối sống cũ, rụt rè, khép kín, ít cởi mở từ khi còn là học sinh phổ thông. Nhiều SV ít tham gia các hình thức học tập đòi hỏi có sự hợp tác cao cùng với sự nỗ lực của cả nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Nếu có tham gia vào các nhóm học tập, các nhóm thảo luận, seminar thì phần nhiều các SV cũng ít bày tỏ ý kiến cá nhân hoặc ít thể hiện hoạt động đóng góp vào kết quả làm việc của nhóm.

3. Các biện pháp bồi dưỡng KNM cho SV thông qua giảng dạy bộ môn TV-VH&PPDH

Trong dạy học, mỗi PPDH gắn với hàng loạt biện pháp và kỹ thuật dạy học. Biện pháp dạy học là cách thức xử lý những công việc cụ thể trong hoạt động dạy học. Biện pháp rèn luyện KNM cho SV thông qua dạy học bộ môn TV-VH&PPDH không tách rời các phương pháp và biện pháp dạy học ở đại học nói chung. Tuy nhiên, do đặc điểm và lợi thế riêng của mỗi bộ môn, việc bồi dưỡng KNM cho SV ngành GDTH thông qua dạy học bộ môn TV-VH&PPDH có những khác biệt nhất định so với dạy học các môn học khác. Vì thế, chúng tôi lựa chọn, đề xuất một số biện pháp dạy học chủ

yếu khi dạy học bộ môn nhằm bồi dưỡng KNM có hiệu quả cho SV ngành GDTH.

3.1. Sử dụng PPDH nêu vấn đề

Bản chất của dạy học nêu vấn đề là biện pháp dạy học trong đó GV đưa SV vào tình huống có vấn đề, giúp họ tự lực và sáng tạo giải quyết các vấn đề đặt ra, qua đó mà nắm được tri thức mới hoặc cách thức hành động mới; đồng thời, phát triển được tính tích cực sáng tạo. Áp dụng biện pháp dạy học nêu vấn đề, GV không cung cấp cho SV những tri thức có sẵn mà nêu ra cho họ một số vấn đề cần giải quyết, và tạo ra những điều kiện giúp cho SV tự lực giải quyết vấn đề trên cơ sở những mối liên hệ giữa cái đã cho và cái cần biết, giữa điều đã biết và điều chưa biết.

Tình huống có vấn đề có thể xuất hiện khi có mâu thuẫn, va chạm giữa lý thuyết này với lý thuyết nọ, giữa lý thuyết và thực tiễn, giữa thực tiễn nơi này và thực tiễn nơi khác. Mâu thuẫn đó có thể là một nghịch lý, một sự kiện bất ngờ, một phương án phải lựa chọn trong nhiều phương án.

Từ cách hiểu ấy, có thể thấy trong một chương hoặc bài dạy của bộ môn TV-VH&PPDH có nhiều tình huống có vấn đề, mà trước hết là những khác biệt nhất định do nội dung môn học đặt ra. Nắm rõ điều này, GV sẽ lựa chọn biện pháp nêu vấn đề phù hợp với từng nội dung học tập thuộc môn học, từ đó định hướng cho SV phát hiện những khác biệt để đề ra cách giải quyết vấn đề cho phù hợp. Ví dụ, khi tổ chức dạy học chương “PPDH vần” trong môn học “PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1” với nội dung dạy cho SV hướng dẫn học sinh lớp 1 đánh vần: vần, tiếng, từ; GV có thể sử dụng biện pháp nêu vấn đề gợi tình huống để SV giải quyết vấn đề sau:

“Khi dạy học sinh đánh vần tiếng “sóng” (bài học vần số 52: ong - ông), ba giáo viên ở một trường tiểu học nọ hướng dẫn học sinh đánh vần như sau:

- Giáo viên A đánh vần mẫu cho học sinh phần vần trước “ong”: o - ng - ong; sau đó đánh vần tiếng “sóng” bằng cách ghép âm đầu vần “s” với vần “ong” và thanh “sắc”: s - ong - song - sắc - sóng;
- Giáo viên B hướng dẫn đánh vần: s - o - so - ng - song - sắc - sóng;
- Giáo viên C hướng dẫn đánh vần: song - sắc - sóng.

Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo âm tiết của tiếng

Việt, anh (chị) hãy cho biết cách đánh vần nào là phù hợp nhất ?”

Với biện pháp nêu, gợi mở vấn đề trong tình huống trên, SV luôn đóng vai trò tích cực, chủ động phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề. Do đó, tính sinh động, hấp dẫn của giờ dạy học nhờ đó cũng tăng lên. Và qua đó, SV sẽ tự bồi dưỡng nhiều kỹ năng cần thiết như: *kỹ năng phát hiện vấn đề, kỹ năng đối thoại, tranh luận, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng giải quyết vấn đề...*

3.2. Sử dụng PPDH theo nhóm (tổ chức dạy học hợp tác)

Phương pháp tổ chức dạy học theo nhóm (còn gọi là dạy học hợp tác) là một biện pháp dạy học tích cực, có nhiều ưu thế trong rèn luyện KNM cho SV. Theo Phan Trọng Ngọ [2], dạy học theo nhóm hay thảo luận nhóm là biện pháp “trong đó nhóm lớn (lớp học) được chia thành những nhóm nhỏ để tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc và thảo luận về một chủ đề cụ thể và đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề nào đó”. Biện pháp thảo luận nhóm tạo cơ hội tối đa cho mọi thành viên trong nhóm hợp tác làm việc. Mỗi thành viên trong nhóm có điều kiện học hỏi lẫn nhau, biết kiên nhẫn lắng nghe và đánh giá ý kiến của người khác một cách độc lập. Từ đó, hình thành thói quen tương tác trong học tập, tăng năng lực hợp tác và không khí hiểu biết, đoàn kết, tin cậy lẫn nhau.

Phương thức tổ chức hoạt động nhóm đơn giản, dễ thực hiện. GV có thể chia lớp học thành từng nhóm nhỏ. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của tiết học, bài học; được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả học tập chung của cả lớp. Trong dạy học các môn TV-VH&PPDH, biện pháp làm việc nhóm rất hữu ích. Nó không chỉ kích thích hứng thú học tập, mà còn giúp các SV hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết tình huống...

Để hoạt động làm việc nhóm có kết quả, GV phải lựa chọn vấn đề, giao cho các nhóm thảo luận, đi đến cách hiểu được nhiều người chấp nhận. Chẳng hạn, trong quá trình hướng dẫn SV nghiên

cứu chương 2 “Phương pháp phát hiện học sinh có năng lực Văn - tiếng Việt” của môn học “Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2” trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, với nội dung nghiên cứu về “Năng lực Văn - tiếng Việt và những dấu hiệu ở học sinh có năng lực Văn - tiếng Việt”, GV có thể giao cho các nhóm SV nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm các vấn đề sau: (1) Anh (chị) hiểu như thế nào về khái niệm năng lực? Khái niệm năng lực văn - tiếng Việt? (2) Theo anh (chị), vì sao dạy học Tiếng Việt ở tiểu học phải hướng tới hình thành năng lực văn - tiếng Việt cho học sinh? (3) Những dấu hiệu của một học sinh có năng lực văn - tiếng Việt là gì? Dựa vào phần hướng dẫn học tập trong tài liệu học tập, kết hợp nêu một số vấn đề mang tính liên hệ với thực tế giáo dục tiểu học, GV hướng dẫn các nhóm tìm kiếm và xử lý thông tin liên quan và thảo luận nhóm. Sau đó, đại diện các nhóm sẽ trình bày kết quả làm việc nhóm của nhóm mình trước lớp để các nhóm khác tranh luận, trao đổi...

3.3. Sử dụng phương pháp vấn đáp

Vấn đáp là biện pháp GV đặt ra câu hỏi để SV suy nghĩ hoặc tranh luận và trả lời nhằm lĩnh hội được nội dung học tập. Mục đích của sử dụng biện pháp này là nâng cao chất lượng của giờ học bằng cách tăng cường hình thức hỏi đáp giữa GV và SV, rèn cho SV bản lĩnh tự tin, khả năng và kỹ năng diễn đạt một vấn đề trước tập thể. Trong ba mức độ của vấn đáp (vấn đáp tái hiện, vấn đáp giải thích - minh họa và vấn đáp tìm tòi) thì mức độ vấn đáp tìm tòi là biện pháp dạy học có hiệu quả ở bậc đại học. Đây là biện pháp GV sử dụng các câu hỏi được sắp xếp hợp lý nhằm hướng dẫn SV từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng đang tìm hiểu, kích thích sự ham muốn hiểu biết của SV. Sử dụng biện pháp vấn đáp tìm tòi, GV giữ vai trò như người tổ chức sự tìm tòi, còn SV là người tự lực phát hiện tri thức.

Ví dụ, khi tổ chức cho SV tìm hiểu các khái niệm “phương ngữ, thổ ngữ, thổ âm” (bài “Những vấn đề chung về phương ngữ và chính tả phương ngữ ở bậc Tiểu học” - môn học Phương ngữ tiếng Việt và dạy học chính tả phương ngữ ở Tiểu học), GV có thể nêu những câu hỏi để học sinh suy nghĩ, tìm tòi và trả lời như: (1) Theo bạn, thế nào là thổ âm, thổ ngữ, phương ngữ? (2) Tiếng địa phương

của bạn thuộc thổ âm, thổ ngữ, phương ngữ nào?
(3) *Dựa vào cơ sở nào để bạn cho như vậy?... ”.*

Thông qua biện pháp vấn đáp trên, SV được bồi dưỡng các KNM cần thiết như: kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định...

3.4. Sử dụng phương pháp thuyết trình

Thuyết trình là một trong những biện pháp truyền thống trong dạy học ở đại học. Đặc điểm cơ bản của biện pháp thuyết trình là thông báo - tái hiện. Biện pháp này chỉ rõ tính chất thông báo bằng lời của GV đến với SV và tính chất tái hiện tài liệu của SV khi lĩnh hội tri thức từ GV. GV nghiên cứu tài liệu, giáo trình, chuẩn bị bài giảng và trực tiếp điều khiển thông báo bằng luồng thông tin tri thức đến với SV. SV tiếp nhận thông tin bằng việc nghe, nhìn, cùng tư duy theo lời giảng của GV. Như vậy, kiến thức đến với SV bằng biện pháp này chủ yếu đã được GV chuẩn bị từ trước. Tuy nhiên, theo hướng hoạt động hóa người học, GV cần sử dụng biện pháp thuyết trình giải quyết vấn đề. Nghĩa là GV đặt SV trước những bài toán nhận thức, kích thích SV hứng thú giải bài toán nhận thức, tạo ra sự chuyển hóa từ quá trình nhận thức có tính nghiên cứu vào tổ chức quá trình nhận thức trong học tập. GV có thể nêu ra những câu hỏi “có vấn đề” để SV trả lời ngay tại lớp hoặc có thể trao đổi nhanh trong nhóm với người ngồi cạnh trước khi GV đưa ra câu trả lời.

3.5. Sử dụng phương pháp tổ chức seminar học tập

Seminar là một hình thức tổ chức học tập phát huy được vai trò chủ động tích cực của SV. Để tổ chức học tập bằng seminar, GV cần giao nhiệm vụ cho các cá nhân hoặc các nhóm SV chuẩn bị theo một đề tài của nội dung học tập, nghiên cứu tài liệu liên quan đến đề tài và xây dựng một bài powerpoint để báo cáo trước lớp. Học tập bằng seminar tuy phải tốn công sức chuẩn bị nhưng đem lại hiệu quả rất lớn. Qua hình thức chuẩn bị và trình bày báo cáo seminar, SV sẽ rèn luyện và bồi dưỡng được các kỹ năng đặt vấn đề, kỹ năng nêu các câu hỏi, phát triển tư duy phê phán, kỹ năng khám phá cái mới, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp trong học tập...

Các môn học thuộc bộ môn TV-VH&PPDH

của chương trình đào tạo giáo viên tiểu học có nhiều nội dung có thể tổ chức cho SV seminar như: Tìm hiểu về nội dung chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt; Cơ sở khoa học của PPDH các phân môn Luyện từ và câu, Tập viết, Chính tả, Tập đọc, Tập làm văn... (môn PPDH Tiếng Việt); Những nét tương đồng và khác biệt về ngữ âm giữa các vùng phương ngữ tiếng Việt (môn Phương ngữ học Tiếng Việt và dạy học chính tả phương ngữ); Đặc trưng của các thể loại văn học dân gian; Tác dụng giáo dục của các thể loại văn học dân gian đối với trẻ em... (môn Văn học dân gian)...

3.6. Sử dụng hoạt động ngoại khóa các môn học Tiếng Việt và PPDH

Hoạt động ngoại khóa là các hoạt động nằm ngoài chương trình học chính khóa, thường mang tính tự nguyện. Hoạt động ngoại khóa có vai trò quan trọng trong học tập, nhất là với những học phần, môn học đòi hỏi SV phải có sự trải nghiệm. Hoạt động ngoại khóa giúp SV chủ động tham gia, vui vẻ, xả stress, bồi dưỡng được các KNM cần thiết.

Các môn học của bộ môn TV-VH&PPDH đều có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Ví dụ, môn học Tiếng Việt 1 có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV trao đổi, thảo luận về những vấn đề liên quan đến ngôn ngữ tiếng Việt, vai trò của tiếng Việt trong giao tiếp. Môn học Kỹ năng sử dụng tiếng Việt có thể tổ chức cho SV thi các kỹ năng công cụ như đọc, viết, kể chuyện, kỹ năng thuyết trình. Môn học PPDH tiếng Việt có thể tổ chức cho SV thi giảng dạy để thể hiện các kỹ năng dạy học đã rèn luyện...

Thông qua những hoạt động ngoại khóa bộ môn Tiếng Việt và PPDH mà SV là chủ thể, nhiều KNM của SV được hình thành, bổ sung như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng diễn xuất trước đám đông, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm chủ cảm xúc, kỹ năng hợp tác, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin...

4. Kết luận

KNM có vai trò vô cùng quan trọng với mỗi cá nhân trong học tập và sinh hoạt hàng ngày. Đối với SV, KNM là nền tảng, cơ sở để SV biết ứng phó, xử lý với các vấn đề nảy sinh ngay trong quá trình học tập ở trường đại học cũng như trong công

việc giảng dạy và giáo dục học sinh một cách hiệu quả khi trở thành giáo viên. Thông qua việc hiểu biết và vận dụng được KNM, mỗi SV có điều kiện hoàn thiện dần năng lực nghề nghiệp của mình, biến KNM thành kỹ năng sống hữu ích. Vì thế, bồi dưỡng KNM cho SV sư phạm nói chung, SV ngành GDTH nói riêng là vô cùng quan trọng và cần thiết.

Trên đây là một số biện pháp đề xuất nhằm

nâng cao hiệu quả bồi dưỡng KNM cho SV ngành GDTH, Trường Đại học Đồng Tháp thông qua dạy học bộ môn TV-VH&PPDH. Để thực hiện được các biện pháp trên một cách đồng bộ, mỗi GV giảng dạy bộ môn TV-VH&PPDH phải thực sự tích cực nghiên cứu, tìm tòi thực hiện đổi mới phương pháp dạy đi đôi với việc phát huy vai trò chủ động tích cực học tập của SV./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Đặng Quốc Bảo (2014), “Quan điểm của UNESCO về bốn trụ cột của giáo dục”, <http://dtntthdb.edu.vn/nukeviet/vi/news/Tin-tuc/QUAN-DIEM-CUA-UNESCO-VE-BON-TRU-COT-CUA-GIAO-DUC-78/>.

[2]. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và PPDH trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm.

[3]. Huỳnh Văn Sơn (2010), “Một số điểm hạn chế trong kỹ năng sống của SV các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục*, tập 1, số 252, tr. 14-16.

[4]. Tạ Quang Thảo (2014), “Phát triển KNM cho SV các trường đại học, cao đẳng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số 329/2014.

[5]. Trường Đại học Đồng Tháp (2013), *Chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học*.

[6]. Trường Đại học Đồng Tháp (2014), Tài liệu hội thảo *Những KNM cần bồi dưỡng cho SV Trường Đại học Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu xã hội*.

MEASURES OF TRAINING SOFT SKILLS FOR PRIMARY EDUCATION MAJORS THROUGH TEACHING THE SUBJECT OF VIETNAMESE-LITERATURE AND INSTRUCTIONAL METHODS

Summary

The paper identifies necessary soft skills and analyzes the current status of primary education majors' soft skills at Dong Thap University. Thereby, it proposes measures of training soft skills for those students through teaching the subject of Vietnamese-Literature and Instructional Methods.

Keywords: Soft skills, students, Primary Education, Vietnamese-Literature and Instructional Methods.

Ngày nhận bài: 28/12/2015; Ngày nhận lại: 13/2/2016; Ngày duyệt đăng: 19/2/2016.